

Tên:  
Lớp:

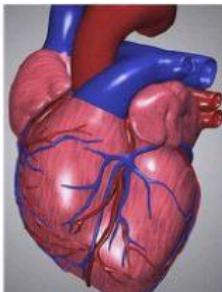
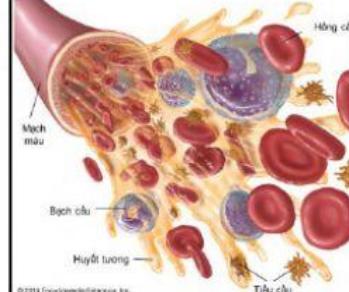
## PHIẾU HỌC TẬP

### BÀI 18,19 TUẦN HOÀN MÁU

#### I. CẤU TẠO VÀ CHỨC NĂNG CỦA HỆ TUẦN HOÀN



- Từ bảng từ khóa, hãy kéo thả các nội dung tương ứng để hoàn thành cấu tạo và chức năng của hệ tuần hoàn.
- Điền vào chỗ trống để kết luận chức năng hệ tuần hoàn

|            |  |  |  |
|------------|--|--|--|
|            |  |  |  |
| Cấu tạo    |  |  |  |
| Thành phần | Gồm  | Gồm hoặc   | Gồm  |
| Chức năng  |  |  |  |

Bảng từ khóa

|                       |     |                     |                          |                           |
|-----------------------|-----|---------------------|--------------------------|---------------------------|
| Tim                   | Máu | Tâm thất            | Hệ thống mao mạch        | Dịch tuần hoàn            |
| Hệ thống động mạch    |     | Tâm nhĩ             | Hệ thống tĩnh mạch       | Hệ mạch                   |
| Hỗn hợp máu – dịch mô |     | Vận chuyển các chất | Hút – đẩy dịch tuần hoàn | Vận chuyển dịch tuần hoàn |

Chức năng chung của hệ tuần hoàn: \_\_\_\_\_ các chất từ bộ phận này đến bộ phận khác để \_\_\_\_\_ cho các \_\_\_\_\_ của cơ thể.

## II. CÁC DẠNG HỆ TUẦN HOÀN



1. Kéo thả các loài động vật sau vào ô đại diện dạng hệ tuần hoàn tương ứng.

2. Chọn ý phù hợp để hoàn thành bảng phân biệt các dạng hệ tuần hoàn.



Éch



Sán



Rươi



Trùng biển hình



Rắn



Cánh cụt



Óc sên



Bướm



Sứa



Cá mập

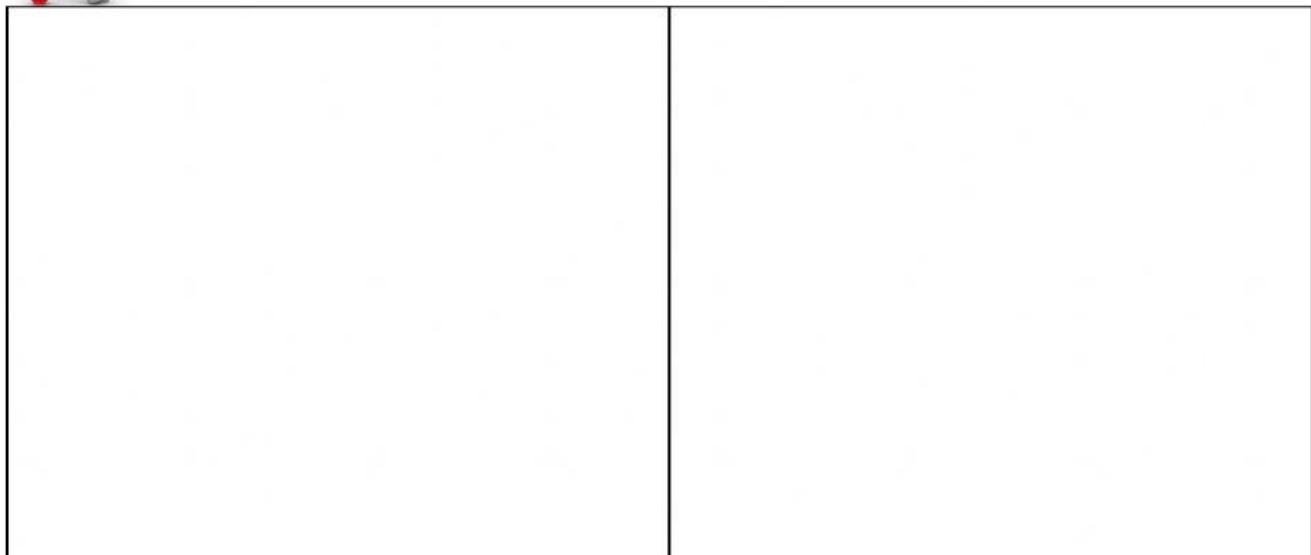
|                   | Chưa có hệ tuần hoàn | Hệ tuần hoàn hở    | Hệ tuần hoàn kín   |                    |
|-------------------|----------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
|                   |                      |                    | Hệ tuần hoàn đơn   | Hệ tuần hoàn kép   |
| Đại diện          |                      |                    |                    |                    |
| Đặc điểm hệ mạch  | X                    | X                  | →                  | →                  |
| Số vòng tuần hoàn | X                    | X                  |                    |                    |
| Số ngăn tim       | X                    | X                  |                    |                    |
| Trao đổi chất     |                      | Máu TĐC với tế bào | Máu TĐC với tế bào | Máu TĐC với tế bào |
| Tốc độ máu ở mạch | X                    |                    |                    |                    |
| Áp lực máu ở mạch | X                    |                    |                    |                    |

Chú thích từ viết tắt: Động mạch (ĐM), Tĩnh mạch (TM), Mao mạch (MM), Trao đổi chất (TĐC)

### III. HOẠT ĐỘNG CỦA TIM



Nghiên cứu tài liệu và video 1,2 để hoàn thành chú thích hình 1.

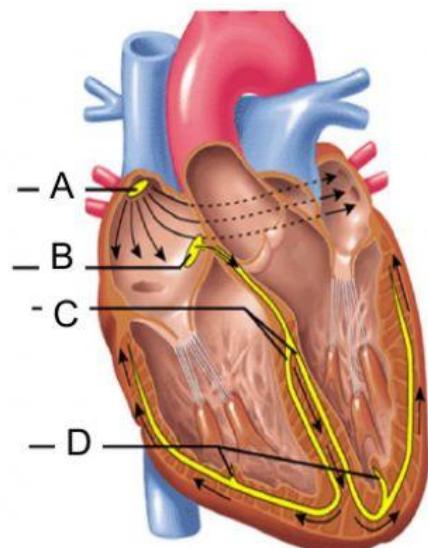


Video 1. Thí nghiệm chứng minh tính tự động của tim

Video 2. Tính tự động của tim

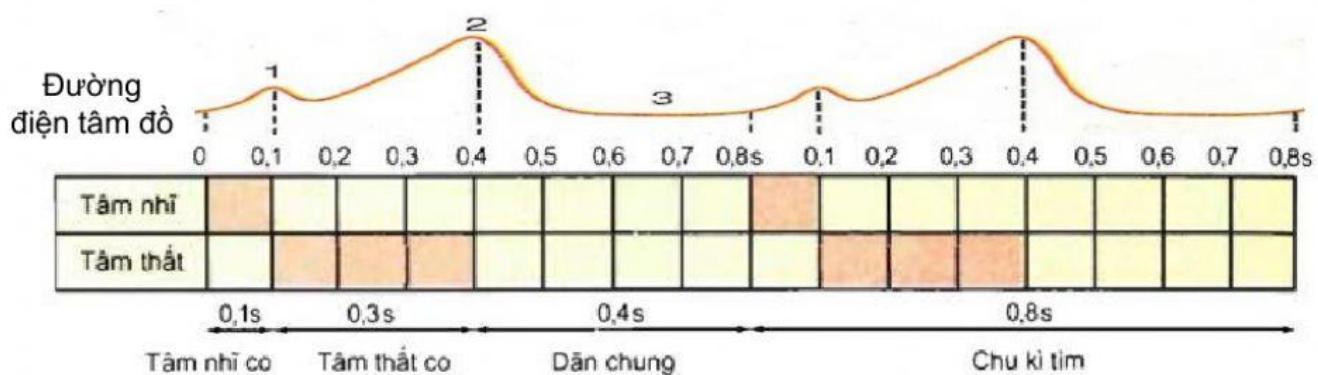


a)



b)

Hình 1. Hệ dẫn truyền tim (b) và hoạt động của hệ dẫn truyền tim (a)



Hình 2. Chu kì hoạt động của tim



## Nghiên cứu hình 2 rồi điền vào chỗ trống để hoàn thành các nhận định sau.

Chu kỳ hoạt động của tim là \_\_\_ lần \_\_\_ và \_\_\_ của tim. Chu kỳ tim bắt đầu từ pha \_\_\_\_\_, sau đó là pha \_\_\_\_\_ và cuối cùng là pha \_\_\_\_\_.

**VD:** Ở người, thời gian của pha co tâm nhĩ là \_\_\_ giây, pha co tâm thất là \_\_\_ giây, pha dẫn chung là \_\_\_ giây. => Nhịp tim trung bình của con người là \_\_\_ lần/phút.

=> Hoạt động của tim trong suốt đời sống sinh vật là \_\_\_\_\_



### Nghiên cứu bảng 1, xác định mối liên hệ giữa khối lượng và nhịp tim.

=> Khối lượng cơ thể và nhịp tim \_\_\_\_\_ với nhau.

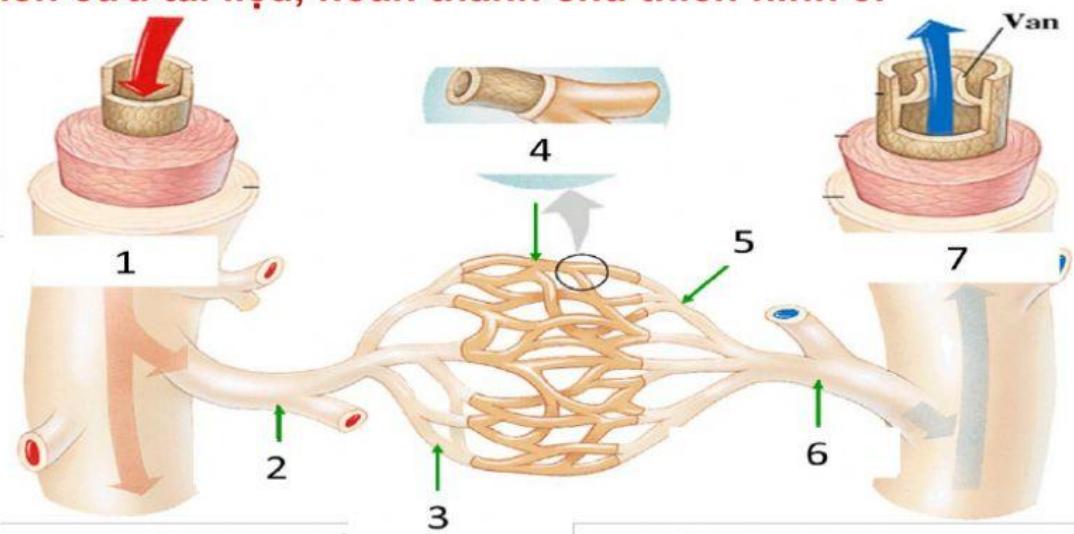
| Loài  | Nhịp tim/phút |
|-------|---------------|
| Voi   | 25 - 40       |
| Trâu  | 40 - 50       |
| Bò    | 50 - 70       |
| Lợn   | 60 - 90       |
| Mèo   | 110 - 130     |
| Chuột | 720 - 780     |

### III. HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ MẠCH



#### Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành chú thích hình 3.

- ĐM chủ
- ĐM nhánh
- Tiểu ĐM
- TM chủ
- Tiểu TM
- TM nhánh
- Mao mạch



Hình 3. Cấu tạo của hệ mạch  
(Chú thích: ĐM: Động mạch; TM: Tĩnh mạch)



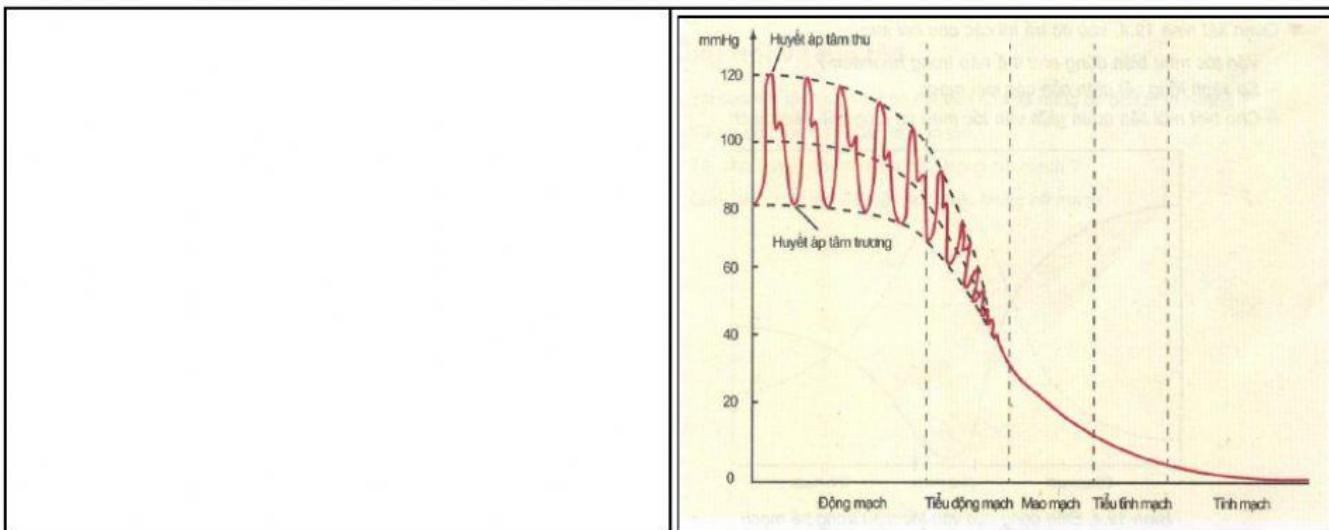
#### Nghiên cứu tài liệu và quan sát hình 4 sau đó hoàn thành các nhận định sau.

- Huyết áp là \_\_\_\_\_ tác dụng lên \_\_\_\_\_.

- Huyết áp \_\_\_\_\_ ứng với lúc tim co và huyết áp \_\_\_\_\_ ứng với lúc tim giãn.

Trong hệ mạch, thứ tự giảm dần của giá trị đo huyết áp là:

\_\_\_\_\_ > \_\_\_\_\_ > \_\_\_\_\_



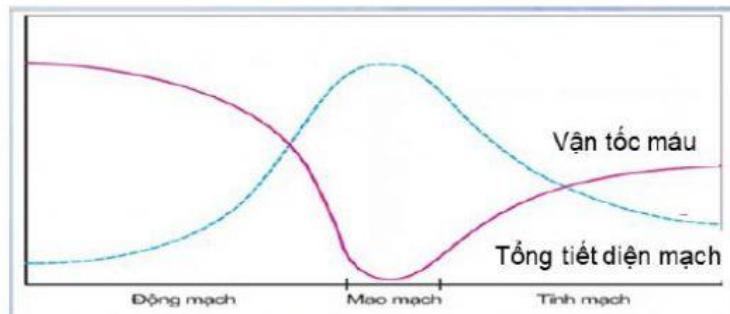
Video 3. Kiến thức về huyết áp

Hình 4. Biến động HA trong hệ mạch



### Nghiên cứu hình 5 và trả lời câu hỏi.

- Vận tốc máu và tổng tiết diện mạch \_\_\_\_\_ với nhau.
- Trong hệ mạch, máu chảy với vận tốc thấp nhất trong \_\_\_\_\_.



Hình 5. Biến động vận tốc máu trong hệ mạch

## \* LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG (không tính điểm tự động)



**Giữa người, cá, châu chấu và trùng đê giày, loài nào có hiệu quả trao đổi chất cao hơn? Vì sao?**



**Huyết áp thường được đo ở vị trí nào? Vì sao?**



**Tại sao cơ thể bị mất máu thì huyết áp giảm còn khi ăn mặn thì huyết áp tăng?**

Tài liệu tham khảo thêm

HS để lại tài liệu tham khảo mà HS đã sưu tầm được tại đây

Video: Tắc nghẽn mạch máu triệu chứng và cách phòng ngừa

Video: Khám phá mạch máu